

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **03/2023/HNGĐ-ST**
Ngày: 12/01/2023
V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Danh Phạm Ngọc Khánh**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Vũ Văn Hợp**

2. Ông **Trần Minh Nhựt**

- Thư ký phiên Tòa: Bà **Nguyễn Kiều Duyên** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa:
Ông **Lê Quốc Thắng** – Kiểm Sát viên.

Ngày 12 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 583/2022/TLST- HNGĐ, ngày 30 tháng 11 năm 2022 về việc “*Tranh chấp ly hôn và nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 111/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Phan Thị Ngọc N**, sinh năm: 1993

Địa chỉ: Tổ 1, ấp MB, xã ML, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

(Chị N có mặt tại phiên tòa)

- Bị đơn: Anh **Danh H**, sinh năm 1988

Địa chỉ: ấp PL, xã M, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

(Anh H có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 11/11/2022, bản tự khai đề ngày 12/12/2022, lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Phan Thị Ngọc N trình bày:

Vào năm 2017, chị Phan Thị Ngọc N và anh Danh H tự nguyện yêu thương nhau và được sự đồng ý của gia đình hai bên anh chị đã tổ chức lễ cưới, đến năm

2018 anh chị đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Mong Thọ B, huyện Châu Thành, Kiên Giang và được Ủy ban nhân dân xã Mong Thọ B, huyện Châu Thành, Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 07/02/2018.

Trong quá trình chung sống, thời gian đầu anh chị chung sống rất hạnh phúc và có 01 người con chung là cháu Danh Ng, sinh ngày 13/10/2019, về tài sản chung: chúng tôi không có tài sản chung, về nợ chung: trong quá trình chung sống anh chị không có nợ ai và không ai nợ anh chị.

Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng: Thời gian đầu chung sống rất hạnh phúc nhưng thời gian sau xảy ra nhiều chuyện bất hòa dẫn đến cãi nhau, không đồng quan điểm sống. Anh chị đã ly thân từ tháng 3 năm 2022 đến nay và từ đó đến nay thì cháu Danh Ngoan do chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; anh H không lần nào tới lui thăm con và cũng không chủ động hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Nay thời gian ly thân cũng khá lâu và tình cảm vợ chồng không còn, chị N yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

- Về hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với anh Danh H;
- Về con chung: Yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Danh Ng, sinh ngày 13/10/2019, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con;
- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết;
- Về nợ chung: Không có nợ ai, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 15/12/2022, lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Danh H trình bày:

Vào năm 2017, anh và chị Phan Thị Ngọc N tự nguyện yêu thương nhau và được sự đồng ý của gia đình hai bên nên anh chị đã tổ chức lễ cưới, đến năm 2018 anh chị đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện Châu Thành, Kiên Giang và được Ủy ban nhân dân xã M, huyện Châu Thành, Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 07/02/2018.

Trong quá trình chung sống, thời gian đầu anh chị chung sống rất hạnh phúc và có 01 người con chung là cháu Danh Ng, sinh ngày 13/10/2019, về tài sản chung: anh chị không có tài sản chung, về nợ chung: trong quá trình chung sống anh chị không có nợ ai và không ai nợ anh chị.

Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng: Thời gian đầu chung sống rất hạnh phúc nhưng thời gian sau xảy ra nhiều chuyện bất hòa dẫn đến cãi nhau, không đồng quan điểm sống.

Nay chị N khởi kiện xin ly hôn thì anh có ý kiến như sau:

- Về hôn nhân: Không đồng ý ly hôn với chị Phan Thị Ngọc N vì anh còn thương vợ;

- Về con chung: Anh đồng ý giao con chung là cháu Danh Ng, sinh ngày 13/10/2019 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng và anh không cấp dưỡng nuôi con;

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết;

- Về nợ chung: Không có nợ ai, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, sự tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký thực hiện đúng quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Thời hạn chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phan Thị Ngọc N, cho chị Phan Thị Ngọc N được ly hôn với anh Danh H. Về con chung: Giao con chung là cháu Danh Ng, sinh ngày 13/10/2019 cho chị Phan Thị Ngọc N tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và chị N tự nguyện không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: Chị N và anh H đều xác định là không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Chị Phan Thị Ngọc N yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và nuôi con với anh Danh H, do đó đây là quan hệ “*Tranh chấp ly hôn và nuôi con*”, đồng thời bị đơn anh Danh H có địa chỉ cư trú tại ấp Phước Lợi, xã Mong Thọ B, huyện Châu Thành, Kiên Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Về sự có mặt của các đương sự: Bị đơn anh Danh H vắng mặt nhưng có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phan Thị Ngọc N và anh Danh H xác định anh chị xác lập quan hệ vợ chồng trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Mong Thọ B, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn theo đúng quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử nhận định hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Xét yêu cầu khởi kiện của chị Phan Thị Ngọc N yêu cầu ly hôn với anh Danh H: Hội đồng xét xử thấy rằng trong quá trình giải quyết vụ án thì chị Phan Thị Ngọc N và anh Danh H đều xác nhận sau khi cưới anh chị sống hạnh phúc với nhau nhưng thời gian sau vợ chồng phát sinh nhiều chuyện bất hòa dẫn đến cãi nhau, không đồng quan điểm sống. Đồng thời chị N và anh H đã ly thân từ tháng 3 năm 2022 cho đến nay, chị N xác định rằng từ đó đến nay anh H không tới lui thăm con và cũng không chủ động hàn gắn để vợ chồng đoàn tụ với nhau. Nay thời gian ly thân đã lâu và chị N xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh H nên chị N xin ly hôn, còn anh H không đồng ý ly hôn với lý do còn thương vợ. Hội đồng xét xử thấy rằng anh H lấy lý do còn thương vợ nên không đồng ý ly hôn là không thuyết phục và không có cơ sở vì từ lúc ly thân đến nay là 10 tháng nhưng anh H không chủ động đến thăm mẹ con chị N để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Tại phiên tòa hôm nay, chị N vẫn kiên quyết xin ly hôn với anh H nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N về việc xin ly hôn với anh H là hoàn toàn phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 2, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về việc nuôi con chung: Chị N và anh H đều xác nhận trong quá trình chung sống vợ chồng anh chị có 01 người con chung là cháu Danh Ng, sinh ngày 13/10/2019, chị N yêu cầu được tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng cháu Ngoan và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Anh H cũng đồng ý giao cháu Ngoan cho chị N trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng (tại bản tự khai ngày 15/12/2022 – BL 15) và không cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét yêu cầu về việc nuôi con chung của chị N là có căn cứ bởi vì: Từ lúc anh chị ly thân (từ tháng 3 năm 2022) đến nay thì chị N vẫn nuôi dưỡng, chăm sóc tốt cho cháu Ng và anh H cũng thống nhất giao cháu Ng cho chị N tiếp tục trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Do đó, Hội đồng xét xử xét giao con chung là cháu Danh Ng cho chị N tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng là không làm thay đổi môi trường phát triển của cháu và phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom cháu Danh Ng mà không ai được cản trở. Về cấp

dưỡng nuôi con: Do chị N tự nguyện không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung: Chị N và anh H đều xác định rằng anh chị không có tài sản chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.4] Về nợ chung: Chị N và anh H cam kết rằng anh chị không có nợ ai và không ai nợ anh chị, không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phan Thị Ngọc N về việc tranh chấp ly hôn và nuôi con là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Xét quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật như đã phân tích nêu trên, nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

[4] Về án phí: Chị Phan Thị Ngọc N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm với số tiền là 300.000 đồng. Anh Danh H không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Khoản 1 Điều 2, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Phan Thị Ngọc N về việc “*Tranh chấp ly hôn và nuôi con*” với anh Danh H.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phan Thị Ngọc N được ly hôn với anh Danh H.

2. Về con chung: Giao người con chung là cháu Danh Ng, sinh ngày 13/10/2019 cho chị Phan Thị Ngọc N tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và chị N tự nguyện không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Phan Thị Ngọc N và anh Danh H đều cam kết là không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết (Miễn xét).

4. Về án phí: Chị Phan Thị Ngọc N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm với số tiền là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005159 ngày 14/11/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang (đã nộp xong). Anh Danh H không phải chịu án phí.

5. Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Châu Thành;
- THADS huyện Châu Thành;
- UBND xã M;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Danh Phạm Ngọc Khánh

